

Số: /2026/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành quy định phạm vi vùng phụ cận và các trường hợp cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác, hành lang bảo vệ đê cấp IV, cấp V trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017; Luật Đê điều số 79/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 113/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều; Nghị định số 66/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; Nghị định số 53/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai; Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-SNNMT ngày / /2026 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số/BC-STP ngày/2026; trên cơ sở biểu quyết thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh và thực hiện kết luận phiên họp ngày/..../2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh (Thông báo số-TB/ĐU ngày/..../2026);

Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành quy định phạm vi vùng phụ cận và các trường hợp cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác, hành lang bảo vệ đê cấp IV, cấp V trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Chương I

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 03/2021/QĐ-UBND NGÀY 13/01/2021 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH PHẠM VI VÙNG PHỤ CẬN VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP CẤM MỐC CHỈ GIỚI PHẠM VI BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁC, HÀNH LANG BẢO VỆ ĐÊ CẤP IV, V TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bãi bỏ cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố”.
2. Thay thế cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn” thành cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường”.
3. Thay thế cụm từ “Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên thủy lợi” thành cụm từ “người đứng đầu các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh”.

Điều 2. Sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Tổ chức quản lý và hành lang bảo vệ đê cấp IV, cấp V trên địa bàn tỉnh Nghệ An”.
2. Bổ sung khoản 6 Điều 3 như sau:

“6. Kênh chìm được xác định theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.”
3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Đối với đập dâng: Tùy theo cấp đập được xác định theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04-05:2022/BNNPTNT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai và Quy định tại Phụ lục I, Bảng 2. Phân cấp công trình theo đặc trưng kỹ thuật của Nghị định 40/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi. Vùng phụ cận được tính từ mép ngoài phần xây đúc cuối cùng về phía thượng, hạ lưu và phía vai đập trở ra được xác định như sau:”
4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 4 như sau:

“5. Đối với kênh chìm:

 - a) Kênh có lưu lượng nhỏ hơn 02 m³/s, phạm vi vùng phụ cận được tính từ giao tuyến giữa mái trong với mặt đất tự nhiên trở ra là 02 m;

b) Kênh có lưu lượng từ $02 \text{ m}^3/\text{s}$ đến $10 \text{ m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận được tính từ giao tuyến giữa mái trong với mặt đất tự nhiên trở ra đối với khu đô thị là từ 02 m đến 03 m , ngoài khu đô thị là 05 m ;

c) Kênh có lưu lượng từ $10 \text{ m}^3/\text{s}$ đến $20 \text{ m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận được tính từ giao tuyến giữa mái trong với mặt đất tự nhiên trở ra đối với khu đô thị là từ 03 m đến 05 m , ngoài khu đô thị có dân cư là 10 m , ngoài khu đô thị không có dân cư là 20 m .

d) Kênh có lưu lượng lớn hơn $20 \text{ m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận được tính từ giao tuyến giữa mái trong với mặt đất tự nhiên trở ra đối với khu đô thị là 05 m , ngoài khu đô thị có dân cư là 15 m , ngoài khu đô thị không có dân cư là 30 m .

đ) Trường hợp không xác định được lưu lượng thiết kế của kênh, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm rà soát hồ sơ công trình, hiện trạng công trình và xác định thông số kỹ thuật để làm cơ sở xác định phạm vi vùng phụ cận theo quy định.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Quy định về quản lý và hành lang bảo vệ đê cấp IV, cấp V

1. Quy định quản lý đê cấp IV, cấp V

a) Ủy ban nhân dân xã, phường có đê trực tiếp tổ chức quản lý, bảo vệ hệ thống đê cấp IV, cấp V và đê biển (bao gồm đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê và công trình phụ trợ) trong phạm vi địa giới hành chính của địa phương, trừ tuyến đê Tả Lam đoạn từ K0+000 – K10+890 và từ K55+000 – K56+800;

b) Chi cục Thủy lợi sử dụng lực lượng quản lý đê chuyên trách trực tiếp quản lý và bảo vệ đối với tuyến đê Tả Lam đoạn từ K0+000 – K10+890 và từ K55+000 – K56+800.

c) Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đối với các tuyến đê cấp IV, cấp V trong phạm vi địa giới hành chính của địa phương (trừ tuyến đê Tả Lam đoạn từ K0+000 – K10+890 và từ K55+000 – K56+800). Chi cục Thủy lợi thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đối với tuyến đê Tả Lam đoạn từ K0+000 – K10+890 và từ K55+000 – K56+800.

2. Quy định hành lang bảo vệ đê cấp IV, cấp V

a) Đối với những vị trí đê đi qua khu dân cư, khu đô thị và khu du lịch được tính từ chân đê trở ra 05 mét về phía đồng và phía sông hoặc phía biển.

b) Đối với những vị trí khác được tính từ chân đê trở ra 10 mét về phía đồng và phía sông hoặc phía biển”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 6 như sau:

“6. Đối với tràn xả lũ được cấm mốc với đập của hồ chứa nước được quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. Khoảng cách giữa 2 mốc liền nhau là 20 mét ”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đoàn thể, các địa phương trong việc tuyên truyền phổ biến các quy định của quyết định này và pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi khác, đề điều; đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi khác, hành lang bảo vệ đề điều;

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, các địa phương, đơn vị tổ chức triển khai cấm mốc chỉ giới phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác, hành lang bảo vệ đề cấp IV, cấp V trên địa bàn theo đúng quy định; kiểm tra việc thực hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả thực hiện;

c) Tổ chức kiểm tra theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

d) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi rà soát hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác; hành lang bảo vệ đề cấp IV, cấp V;

đ) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan có liên quan thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch quản lý và sử dụng đất theo quy định”.

b) Bãi bỏ khoản 2

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường khi có yêu cầu trong việc kiểm tra, xử lý các vi phạm trật tự xây dựng trong phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác, hành lang bảo vệ đề cấp IV, cấp V.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi trong việc xác định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác, hành lang bảo vệ đề cấp IV, cấp V có kết hợp giao thông, chỉ đạo cấm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ công trình giao thông theo quy định”.

d) Bãi bỏ khoản 4

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Trách nhiệm của các sở, ngành khác có liên quan

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các cơ quan tổ chức, cá nhân khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi khác, đề cấp IV, cấp V thực hiện Quy định này”.

8. Bãi bỏ Điều 8

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân thực hiện tốt các quy định, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi khác, đề cấp IV, cấp V.

2. Tham gia và chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện công tác bảo vệ công trình thủy lợi khác, đề cấp IV, cấp V trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

3. Ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương, trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý; thực hiện các biện pháp phối hợp quản lý, bảo vệ chặt chẽ các mốc chỉ giới phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác, hành lang bảo vệ đề cấp IV, cấp V không để xảy ra tái vi phạm trên địa bàn.

4. Giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi khác, đề cấp IV, cấp V tại địa phương theo quy định của pháp luật.

5. Căn cứ vào Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền việc xử lý đối với các công trình xây dựng không phép, trái phép trong phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác, hành lang bảo vệ đề cấp IV, cấp V trên địa bàn quản lý. Trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý.

6. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) về tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác, hành lang bảo vệ đề cấp IV, cấp V trên địa bàn”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi

1. Lập, trình thẩm định phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác do đơn vị được giao quản lý theo quy định tại Điều 6 Quy định này và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

2. Tổ chức cấm mốc, trực tiếp quản lý các mốc chỉ giới phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác theo quy định hiện hành.

3. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường nơi có công trình rà soát hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác, kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định hiện hành.

4. Bàn giao mốc chỉ giới phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác cho Ủy ban nhân dân các xã, phường để phối hợp quản lý.

5. Chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc bảo vệ, quản lý phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác, mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác do đơn vị được giao quản lý; thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời và có biện pháp ngăn chặn các hành vi vi phạm phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác do đơn vị quản lý; phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường nơi xảy ra vi phạm trong việc xử lý và áp dụng các biện pháp cần thiết khôi phục hiện trạng ban đầu, bảo đảm an toàn cho công trình thủy lợi khác theo thiết kế.

6. Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi khác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xem xét, giải quyết.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để xem xét, xử lý kịp thời”.

Chương II

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng năm 2026.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; người đứng đầu các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VB và QLXVPHC-Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT Chính phủ;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Báo Nghệ An;
- Sở Tư pháp;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đệ